

CÔNG TY TNHH TMDV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐẠI HỒNG PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐẠI HỒNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI HONG PHAT DEVELOPMENT INVESTMENT TMDV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703225958

3. Ngày thành lập: 16/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

579/06 Tổ 1, Khu phố Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0776121514

Fax:

Email: hongphat696969123@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại t 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
6.	Xây dựng công trình thủy	4291
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
9.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
10.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở, lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R 22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

14.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
15.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
16.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
17.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
18.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
19.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
20.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
22.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản)	4610
23.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
24.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở)	4631
25.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng. Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
26.	Bán buôn đồ uống	4633
27.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
28.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
29.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
30.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
34.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng LPG)	4661
35.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)	4662
36.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)

37.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn hóa chất công nghiệp, hóa chất phụ gia thực phẩm (không tồn trữ hóa chất), nhựa, các sản phẩm từ nhựa. Bán buôn phân bón; Bán buôn các sản phẩm từ cao su; cao su nguyên sinh	4669
38.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn bình hoa, tranh, quà lưu niệm, hoa tươi, hoa khô, hoa giả (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi sẵn và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	4690
39.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
40.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi sẵn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở;)	4719
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
43.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
44.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
45.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
46.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
47.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành)	4761
48.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
49.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
50.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
51.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
52.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784

53.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4791
54.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4799
55.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
56.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
57.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
59.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
60.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
61.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
62.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, hóa lỏng khí để vận chuyển)	5221
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
66.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5229
69.	Bưu chính	5310
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar, vũ trường)	5610
71.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
73.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
74.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
75.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

76.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7820
77.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động)	7830
78.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
79.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ	8010
80.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ kinh doanh dịch vụ bảo vệ)	8110
81.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
82.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
83.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
84.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tốc ký; Dịch vụ lấy lại tài sản; Máy thu tiền xu đỗ xe; Hoạt động đấu giá đ bảo vệ trật tự tại các chợ)	8299
86.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (Trừ hoạt động của các sàn nhảy)	9311
87.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Không hoạt động tại trụ sở)	1010
88.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở)	1020
89.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
90.	Sản xuất chè	1076
91.	Sản xuất cà phê	1077
92.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở)	0810
93.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (Không hoạt động tại trụ sở)	0891
94.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Không hoạt động tại trụ sở)	0899
95.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
96.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
97.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (Không hoạt động tại trụ sở)	1430
98.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (Không hoạt động tại trụ sở)	1512

99.	Sản xuất giày, dép (Không hoạt động tại trụ sở)	1520
100.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	1610
101.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Không hoạt động tại trụ sở)	1621
102.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (Không hoạt động tại trụ sở)	1629
103.	Sao chép bản ghi các loại	1820
104.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (Không hoạt động tại trụ sở)	1920
105.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (Không hoạt động tại trụ sở)	2022
106.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (Không hoạt động tại trụ sở)	2512
107.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không hoạt động tại trụ sở)	2592
108.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (Không hoạt động tại trụ sở)	2620
109.	Sản xuất thiết bị truyền thông (Không hoạt động tại trụ sở)	2630
110.	Sản xuất đồ điện dân dụng (Không hoạt động tại trụ sở)	2750
111.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Không hoạt động tại trụ sở)	3100
112.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Không hoạt động tại trụ sở)	3250
113.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
114.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
115.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
116.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
117.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
118.	In ấn	1811
119.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
120.	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời (không hoạt động tại trụ sở)	3511

121.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng, hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối được thực hiện bởi người khác	3512
122.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời (không hoạt động tại trụ sở)	3520
123.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Không hoạt động tại trụ sở)	3600
124.	Thoát nước và xử lý nước thải (Không hoạt động tại trụ sở)	3700
125.	Thu gom rác thải không độc hại (Không hoạt động tại trụ sở)	3811
126.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (Không hoạt động tại trụ sở)	3821
127.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Không hoạt động tại trụ sở)	3822
128.	Tái chế phế liệu (Không hoạt động tại trụ sở)	3830
129.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Không hoạt động tại trụ sở)	3900

6. Vốn điều lệ: 2.189.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NỈ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/01/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082173005490

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Thọ Thượng, Xã Bình Phan, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bình Thọ Thượng, Xã Bình Phan, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NỈ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082173005490

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Thọ Thượng, Xã Bình Phan, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bình Thọ Thượng, Xã Bình Phan, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương